

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Số: 520 / TTPTQĐ.CNLT-BT.N3

V/v Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An (đợt 3).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 05 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: UBND xã Bình An.

Căn cứ điểm 1, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ngày 05/6/2026, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 đoạn qua xã Bình An (đợt 3) (Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).

Nay Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND xã Bình An niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã Bình An, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã Bình An trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Đề nghị UBND xã Bình An quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định././ *ml*

Nơi nhận: *ml*

- Như trên;
- BGĐ.TTPTQĐCNLT;
- Tổ BT (đ/c Nhật; Sơn, Triều);
- Lưu: VT (T.A, Yên, Lệ).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ml
Mai Ngọc Thắng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PADK-TPTQĐ-CNLT-BT.N3

Long Thành, ngày 05 tháng 6 năm 2026

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN
Về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án
Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 đoạn qua xã Bình An (đợt 3)

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 5356/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp mở rộng đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và huyện Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ, triển khai dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án giải phóng mặt bằng mở rộng ĐT.769;

Căn cứ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua xã Bình An;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 03/4/2026 của UBND xã Bình An về

việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An;

Căn cứ vào danh sách xác định vị trí các thửa đất số 33/VPĐK.LT-TTLT ngày 25/02/2026; số 34, 35, 36/VPĐK.LT-TTLT ngày 26/02/2026; số 37, 38/VPĐK.LT-TTLT ngày 28/02/2026 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh Long Thành;

Căn cứ Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó “Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”. Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân xã Bình An chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2,3,4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ theo khoản 3, Điều 87, Luật đất đai năm 2024, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An để tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cụ thể như sau:

II. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường đất:

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai.

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND.



Loại đất, vị trí đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND xã Bình An về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất diện tích loại đất; thông tin về đất, vị trí thửa đất, phiếu cung cấp thông tin, danh sách các thửa đất được xác định vị trí của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành (*UBND Bình An chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận về nguồn gốc đất theo quy định*).

2. Bồi thường, hỗ trợ Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND xã Bình An về nguồn gốc thời điểm xây dựng Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác. UBND xã Bình An chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

* Đối với cây lâm nghiệp, cây hằng năm:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này (có tính mật độ cây trồng theo quy định của UBND tỉnh Đồng Nai).

Đối với các trường hợp thu hồi đất lúa, trên đất có các loại cây trồng được hỗ trợ thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm **nhân với 80%** đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

4. Thưởng di dời:

Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Các chính sách hỗ trợ:

Đối với hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất: Căn cứ Điều 10, 13 Quyết định số 42/2025/QĐ-

UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đối với các trường hợp có đất thu hồi có hộ khẩu thường trú tại địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất căn cứ mẫu số 03 do Công an xã Bình An xác nhận và mẫu số 04 do UBND xã Bình An xác nhận các trường hợp đủ điều kiện được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Trung tâm Phát triển Quỹ đất tính toán, áp giá hỗ trợ theo quy định.

Đồng thời hiện nay chưa có thông tin giá gạo cụ thể nên Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chưa có cơ sở áp giá hỗ trợ gạo cho các trường hợp có đất thu hồi của dự án. Sau khi có giá gạo cụ thể, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ căn cứ áp giá, bổ sung cho các hộ dân (nếu đủ điều kiện).

Đối với các trường hợp hộ dân có đất thu hồi là người ngoài địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã có Văn bản gửi đến công an Phường, xã nơi hộ dân cư trú để xác nhận nhân khẩu và nghề nghiệp. Sau khi có ý kiến của cơ quan chức năng nơi các hộ dân cư trú, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp giá bổ sung chính sách hỗ trợ (nếu xác nhận đủ điều kiện).

6. Nghĩa vụ tài chính:

Thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chuyển danh sách đến Thuế cơ sở 5 Đồng Nai xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

III. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng số trường hợp thu hồi: **53 trường hợp/49 thửa đất/10.710,2 m²**, cụ thể như sau:

- + Đất nông nghiệp: 10.681,3 m².
- + Đất phi nông nghiệp (đất ở): 28,9 m².
- Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **14.981.317.745 đồng.**

Trong đó:

- Bồi thường đất:	11.867.590.950 đồng.
- Nhà, vật kiến trúc:	1.772.886.595 đồng.
- Cây trồng:	268.225.590 đồng.
- Thưởng di dời:	566.000.000 đồng.
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (3,5%):	506.614.610 đồng.

(Đính kèm bảng tổng hợp)

Phương án dự kiến nêu trên sử dụng vào mục đích tổ chức lấy ý kiến về

phương án bồi thường, hỗ trợ ngay sau khi hết thời hạn niêm yết công khai tại UBND xã Bình An, Nhà văn hoá ấp An Viễn, Nhà văn hoá ấp An Bình, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã Bình An trong thời hạn 10 ngày, đề nghị UBND xã Bình An ghi nhận ý kiến (nếu có) của các hộ dân về phương án bồi thường, hỗ trợ dự kiến.

Trên đây là phương án về bồi thường, hỗ trợ dự kiến thuộc dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.769 đoạn qua xã Bình An (đợt 3).

BẢNG TÓNG HỢP GIÁ TRỊ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
Thuộc dự án: Dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường DT. 769 huyện thông nhất và Long Thành đoạn qua xã Bình An
(Kèm theo Thông tin số/TKĐ-TT/QĐ/CLT-BT/NS 2020... tháng năm 2020 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành)

ST T	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)						Chưa sử dụng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây rừng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Chi chủ
			Tổng	Tổng	Tổng	Tổng	Tổng	Tổng									
1	Nguyễn Văn Thanh	phường Dầu Giây, TP. Đồng Nai							91.421.550	18.782.520	2.606.560					112.810.630	
2	Nguyễn Thanh Trung - Huỳnh Thị Diệp	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai							591.300							591.300	
3	Nguyễn Mậu Hưng	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai							48.388.050							48.388.050	
4	Phạm Văn Phồn (ĐG) - Hoàng Thị Anh (ĐG- chèo) - chưa xác định người thừa kế hợp pháp	ấp An Viễn, xã Bình An, TP. Đồng Nai							985.500		2.259.982					3.245.482	
5	Phạm Vũ Trịnh Kha	Khu phố Phước Tấn, Phường Tân Hải, TP. HCM							88.563.600	45.834.020	2.080.703					140.478.323	
6	Trần Thị Hải Hiền - Trần Duy Hưng - Trần Văn Dũng - Trần Thị Phương Thảo (đồng sử dụng)	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai							2.580.600	26.139.600						30.720.200	
7	Võ Thị Xuân Hương	ấp An Viễn, xã Bình An, TP. Đồng Nai							22.830.750	52.152.224	1.215.300					80.198.274	
8	Hồ Thành Chung	ấp An Viễn, xã Bình An, TP. Đồng Nai							55.746.450	26.617.680	993.300					87.357.430	
9	Lê Thị Hồng (đang giấy CNQSD đất chèo) - chưa xác định người thừa kế hợp pháp	tổ 18, ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	213,6		213,6				226.095.600	17.506.488	8.938.890					268.540.978	
10	Nguyễn Công Thành - Lê Thị Nhi	ấp An Viễn, xã Bình An, TP. Đồng Nai							134.882.100	115.670.884	14.123.653					268.676.637	
11	Lê Minh Hiếu và Hoàng Thị Luân	tổ 8, ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	81,4		81,4				86.161.900	19.148.032	1.405.697					118.715.629	
12	Nguyễn Thanh Hưng	tổ 17, ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	115,4		115,4				122.150.900	99.543.160	5.547.400					243.241.460	
13	Phạm Văn Dũng và Trần Thị Thanh Thủy	tổ 1, ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	406,5		406,5				430.280.250	132.304.944	9.165.914					591.751.108	
14	Nguyễn Thị Thắm	thôn 8, xã Bảo Lâm 3, tỉnh Lâm Đồng	80,6		80,6				85.315.100	81.789.309						179.104.409	
15	Phạm Phúc Thanh và Phạm Mỹ Ngọc Anh đồng sử dụng	tổ 5, ấp Chông, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai	221,4		221,4				234.351.900	117.282.510						367.634.410	



ST T	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)						Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đôi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông			Nông nghiệp										
			Tổng	Đất ở nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm khác	Chưa sử dụng								
16	Đoàn Thanh Tùng	số 18 đường Đ9, khu tái định cư Đai học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, khu phố Châu Thới, phường Đông Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	120,6	20,1	20,1	100,5	100,5	100,5	249.772.650	16.000.000	265.772.650		16.000.000	265.772.650		
17	Nguyễn Thị Hoài Phương	tổ 8, ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	134,2			134,2		134,2	142.050.700	16.000.000	264.632.156		16.000.000	264.632.156		
18	Nguyễn Quang Huy	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai							61.363.800	16.689.528	78.699.368			78.699.368		
19	Phạm Thị Xuân Hồng	ấp Cẩm Dương, xã Xuân Dương, TP. Đồng Nai							32.587.200	53.152.704	94.860.132		4.000.000	94.860.132		
20	Võ Thị Ngân	tổ 17, ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	138,7			138,7		138,7	146.813.950	25.838.856	184.652.806		12.000.000	184.652.806		
21	Phạm Thị Lý	ấp An Viễn, xã Bình An, TP. Đồng Nai							8.573.850	3.997.608	14.925.058		2.000.000	14.925.058		
22	Phạm Vũ Chính Nam	ấp An Viễn, xã Bình An, TP. Đồng Nai							34.426.800	8.375.648	46.802.448		4.000.000	46.802.448		
23	Trần Quang Quý	338/78/30 khu phố 13, P. Long Bình, TP. Đồng Nai							50.786.100	5.330.000	68.832.167			68.832.167		
24	Trịnh Văn Đức và Lê Thị Dè	ấp An Viễn - xã Bình An, TP. Đồng Nai							3.055.050	22.730.400	27.785.450		2.000.000	27.785.450		
25	Nguyễn Đức Quốc	ấp Xây Dựng, xã Bình Minh, thành phố Đồng Nai	552,2			552,2		552,2	584.503.700		604.503.700		20.000.000	604.503.700		
26	Trần Văn Thái và Trần Thị Duyên	tổ 1, ấp 6, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	77,3			77,3		77,3	81.822.050		94.774.472		8.000.000	94.774.472		
27	Tân Hương Huệ	tổ 8, ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	67,1			67,1		67,1	71.025.350	38.752.872	122.606.222		12.000.000	122.606.222		
28	Nhiên Mùi Phóng	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	38,8			38,8		38,8	41.069.800		46.133.800		4.000.000	46.133.800		
29	Lương Thị Thanh Hương	tổ 4, khu 92, khu phố Long Đức 1, phường Tam Phước, thành phố Đồng Nai	76,9			76,9		76,9	81.398.650	10.502.096	99.900.746		8.000.000	99.900.746		
30	Võ Hồng Thao và Hồ Thị Hồng Diệp	tổ 17, ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	98			98		98	103.733.000	65.937.314	183.950.814		12.000.000	183.950.814		
31	Dương Thị Lan Dung	số 114-116, Mỹ Kim 1, khu phố 46, phường Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	671,6			671,6		671,6	710.888.600	16.231.240	748.425.240		20.000.000	748.425.240		
32	Võ Lộc Thành và Võ Thị Hương Lan đồng sử dụng	tổ 18, ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	693,4			693,4		693,4	452.443.500		468.443.500		16.000.000	468.443.500		

ST	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)										Chưa sử dụng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Chị chú
			Phi nông		Nông nghiệp				Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây hàng năm khác										
			Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm khác	Tổng	Đất ở nông thôn	Tổng	Đất trồng cây hàng năm khác									
33	Nguyễn Lê Tuấn Anh	169/1/5-169/1/7 Lương Đình Cửa, khu phố 28, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh	215		215	215							227.577.500	27.976.200	2.847.714			16.000.000	274.401.414		
34	Lê Hồng Phương và Trần Thị Ưt	ấp 1, xã Dầu Giây, thành phố Đồng Nai	187,2		187,2	187,2							198.151.200	2.424.000				16.000.000	216.575.200		
35	Bùi Thị Lang	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	285,6		285,6	285,6							302.307.600	92.487.044	5.344.034			16.000.000	416.138.678		
36	Nguyễn Khoa Thủy Anh	số 114-116, Mỹ Kim 1, khu phố 46, phường Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	223,7		223,7	223,7							236.786.450					16.000.000	252.786.450		
37	Bùi Thị Tú	46 Khánh Hội, phường 4, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	76,3		76,3	76,3							80.763.550		530.437			8.000.000	89.293.987		
38	Bùi Thị Tuấn	39 đường 212, khu phố 17, phường Phước Long, thành phố Hồ Chí Minh	76,7		76,7	76,7							81.186.950		365.038			8.000.000	89.551.988		
39	Vàng Tiến Nhật	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	431,7		431,7	431,7							456.954.450	1.500.104	16.300.991			16.000.000	490.755.545		
40	Huyền Minh Tuấn	74 Dân Tộc, khu phố 3, phường Tân Sơn Nhì, thành phố Hồ Chí Minh	130,8		130,8	130,8							138.451.800	4.037.472				12.000.000	154.489.272		
41	Đặng Văn Thuận	khu phố Long Đức 1, phường Tam Phước, thành phố Đồng Nai	140,5		140,5	140,5							148.719.250					12.000.000	160.719.250		
42	Nguyễn Thanh Việt	ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai	101,2		101,2	101,2							107.120.200	23.613.810	51.000			12.000.000	142.785.010		
43	Lê Văn Thiên và Lê Thị Hồng Vân	khu Bàu Cỏ, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	2373,2		2373,2	2373,2							2.512.032.200		14.178.930			20.000.000	2.546.211.130		
44	Nguyễn Văn Phong	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	116,5		116,5	116,5							123.315.250	62.217.030	13.978.564			12.000.000	211.510.844		
45	Vàng Tiến Sỹ	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	655,7		655,7	655,7							694.058.450	3.335.696	31.940.057			20.000.000	749.334.203		
46	Đặng Đình Đình	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	77,8		77,8	77,8							82.351.300	5.440.796	4.030.892			8.000.000	99.822.988		
47	Trần Kim Châu	Phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	71,4		71,4	71,4							75.576.900	606.000	3.234.175			8.000.000	87.417.075		
48	Trương Văn Hòa	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	330,1		330,1	330,1		210,4		119,7			349.410.850	91.405.030	34.404.080			16.000.000	491.219.960		
49	Nguyễn Bà Hạnh	phường Dầu Giây, TP. Đồng Nai	136,9		136,9	136,9				136,9			144.908.650	46.172.776	7.279.806			12.000.000	210.361.232		
50	Nguyễn Văn Mậu	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	145,1		145,1	145,1							153.588.350	71.122.528	10.287.314			16.000.000	250.998.192		

ST T	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông		Nông nghiệp				Chưa sử dụng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất					
			Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm khác									
51	Huỳnh Nhiên - Nguyễn Thị Kim Oanh	Khu phố Phước Hải, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	684,6		684,6				684,6				9.040.515		20.000.000	825.792.135	
52	Đặng Ngọc Như Pháp	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	80,4	8,8	71,6				71,6				7.617.760		16.000.000	218.638.924	
53	Vàng Văn Hà và Lêng Thị Hương	ấp An Bình, xã Bình An, TP. Đồng Nai	382,1		382,1				382,1				25.546.619		20.000.000	538.744.609	
Tổng			10.710,2	28,9	10.681,3	7.896,0	210,4	2.574,9	11.867.590.950	1.772.886.595	268.225.590	566.000.000	14.474.703.135	506.614.610	14.981.317.745		
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%, trong đó:																	
Tổng cộng (1+2):																	